

Phụ lục 02

**TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA TỰ BẢO ĐẢM  
CHI THUỜNG XUYỀN THUỘC TỈNH CÀ MAU NĂM 2026**

(Kèm theo Tờ trình số            /TTr-UBND ngày    tháng 02 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

| Số TT      | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị                                               | Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 1          | 2                                                                          | 3                                                         | 4       |
|            | <b>TỔNG I+II+III</b>                                                       | <b>31.976</b>                                             |         |
| <b>I</b>   | <b>CẤP TỈNH</b>                                                            | <b>7.869</b>                                              |         |
| 1          | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                                             | 46                                                        |         |
| 2          | Sở Nội vụ                                                                  | 68                                                        |         |
| 3          | Sở Tài chính                                                               | 19                                                        |         |
| 4          | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                               | 721                                                       |         |
| 5          | Sở Khoa học và Công nghệ                                                   | 82                                                        |         |
| 6          | Sở Công Thương                                                             | 26                                                        |         |
| 7          | Sở Tư pháp                                                                 | 57                                                        |         |
| 8          | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                            | 276                                                       |         |
| 9          | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                     | 3.812                                                     |         |
| 10         | Sở Y tế                                                                    | 2.074                                                     |         |
| 12         | Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau                            | 78                                                        |         |
| 13         | Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau                                           | 91                                                        |         |
| 14         | Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau                                                   | 77                                                        |         |
| 15         | Vườn Quốc gia U Minh Hạ                                                    | 58                                                        |         |
| 16         | Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau                                                | 45                                                        |         |
| 17         | Trường Đại học Bạc Liêu                                                    | 201                                                       |         |
| 18         | Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu                                              | 67                                                        |         |
| 19         | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu                                | 47                                                        |         |
| 20         | Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu | 24                                                        |         |
| <b>II</b>  | <b>DỰ PHÒNG</b>                                                            | <b>356</b>                                                |         |
| <b>III</b> | <b>CẤP XÃ</b>                                                              | <b>23.751</b>                                             |         |
| 1          | Phường An Xuyên                                                            | 744                                                       |         |
| 2          | Phường Lý Văn Lâm                                                          | 331                                                       |         |
| 3          | Phường Tân Thành                                                           | 893                                                       |         |
| 4          | Phường Hòa Thành                                                           | 358                                                       |         |

| <b>Số TT</b> | <b>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị</b> | <b>Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------|
| 5            | Xã Tân Thuận                        | 220                                                              |                |
| 6            | Xã Tân Tiến                         | 284                                                              |                |
| 7            | Xã Tạ An Khương                     | 293                                                              |                |
| 8            | Xã Trần Phán                        | 264                                                              |                |
| 9            | Xã Thanh Tùng                       | 264                                                              |                |
| 10           | Xã Đầm Dơi                          | 458                                                              |                |
| 11           | Xã Quách Phẩm                       | 276                                                              |                |
| 12           | Xã U Minh                           | 341                                                              |                |
| 13           | Xã Nguyễn Phích                     | 374                                                              |                |
| 14           | Xã Khánh Lâm                        | 276                                                              |                |
| 15           | Xã Khánh An                         | 221                                                              |                |
| 16           | Xã Phan Ngọc Hiền                   | 347                                                              |                |
| 17           | Xã Đất Mũi                          | 243                                                              |                |
| 18           | Xã Tân Ân                           | 218                                                              |                |
| 19           | Xã Khánh Bình                       | 371                                                              |                |
| 20           | Xã Đá Bạc                           | 507                                                              |                |
| 21           | Xã Khánh Hưng                       | 309                                                              |                |
| 22           | Xã Sông Đốc                         | 489                                                              |                |
| 23           | Xã Trần Văn Thời                    | 553                                                              |                |
| 24           | Xã Thới Bình                        | 429                                                              |                |
| 25           | Xã Trí Phải                         | 416                                                              |                |
| 26           | Xã Tân Lộc                          | 298                                                              |                |
| 27           | Xã Hồ Thị Kỷ                        | 292                                                              |                |
| 28           | Xã Biển Bạch                        | 314                                                              |                |
| 29           | Xã Đất Mũi                          | 246                                                              |                |
| 30           | Xã Năm Căn                          | 384                                                              |                |
| 31           | Xã Tam Giang                        | 219                                                              |                |
| 32           | Xã Cái Đôi Vàm                      | 352                                                              |                |
| 33           | Xã Nguyễn Việt Khái                 | 346                                                              |                |
| 34           | Xã Phú Tân                          | 307                                                              |                |
| 35           | Xã Phú Mỹ                           | 206                                                              |                |
| 36           | Xã Lương Thế Trân                   | 646                                                              |                |
| 37           | Xã Tân Hưng                         | 392                                                              |                |
| 38           | Xã Hưng Mỹ                          | 338                                                              |                |
| 39           | Xã Cái Nước                         | 491                                                              |                |
| 40           | Phường Bạc Liêu                     | 856                                                              |                |
| 41           | Phường Hiệp Thành                   | 253                                                              |                |
| 42           | Phường Vĩnh Trạch                   | 261                                                              |                |
| 43           | Phường Giá Rai                      | 714                                                              |                |
| 44           | Phường Láng Tròn                    | 380                                                              |                |

| <b>Số TT</b> | <b>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị</b> | <b>Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------|
| 45           | Xã Phong Thạnh                      | 481                                                              |                |
| 46           | Xã Hồng Dân                         | 529                                                              |                |
| 47           | Xã Ninh Quới                        | 298                                                              |                |
| 48           | Xã Ninh Thạnh Lợi                   | 201                                                              |                |
| 49           | Xã Vĩnh Lộc                         | 236                                                              |                |
| 50           | Xã An Trạch                         | 212                                                              |                |
| 51           | Xã Định Thành                       | 337                                                              |                |
| 52           | Xã Long Điền                        | 426                                                              |                |
| 53           | Xã Đông Hải                         | 305                                                              |                |
| 54           | Xã Gành Hào                         | 233                                                              |                |
| 55           | Xã Hòa Bình                         | 520                                                              |                |
| 56           | Xã Vĩnh Mỹ                          | 398                                                              |                |
| 57           | Xã Vĩnh Hậu                         | 407                                                              |                |
| 58           | Xã Phước Long                       | 440                                                              |                |
| 59           | Xã Vĩnh Phước                       | 381                                                              |                |
| 60           | Xã Vĩnh Thanh                       | 376                                                              |                |
| 61           | Xã Phong Hiệp                       | 246                                                              |                |
| 62           | Xã Vĩnh Lợi                         | 261                                                              |                |
| 63           | Xã Hưng Hội                         | 293                                                              |                |
| 64           | Xã Châu Thới                        | 397                                                              |                |

8.225